TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày 27/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, ông Trịnh Ngọc Thành.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Luật là Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm 19...; địa chỉ cư trú tại ấp Bình Hóa, xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 19...; nơi cư trú tại khu 4, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2019 và trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án nguyên đơn Huỳnh Thị Y trình bày ý kiến như sau:*

Năm 2016 bị đơn Nguyễn Thị N hợp đồng vay tiền của nguyên đơn, bà N nhận tiền vay 1.300.000.000 đồng, bị đơn vay tiền để mua đất đai, vay tiền không có tính lãi. Đến năm 2017 bị đơn đã trả tiền vay được 600.000.000 đồng và đến ngày 05 tháng 02 năm 2018 bị đơn có trả tiền vay được 300.000.000 đồng. Bị đơn còn nợ tiền vay là 400.000.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn có làm văn bản thỏa thuận đến ngày 18 tháng 12 năm 2018 bị đơn phải thanh toán đủ số tiền này với bên nguyên đơn.

Tuy nhiên, bị đơn không trả tiền còn nợ nguyên đơn theo thỏa thuận, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nhiều lần nhưng bị đơn không thanh toán nên nguyên đơn phải khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán đầy đủ tiền vay nợ gốc 400.000.000 đồng đối với nguyên đơn.

** Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng bị đơn có ý kiến trình bày trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau*:

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 9 năm 2019 bị đơn trình bày ý kiến là có vay tiền của nguyên đơn, theo ý kiến trình bày khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền vay nợ gốc là 400.000.000 đồng, bị đơn đồng ý thanh toán tiền này với nguyên đơn mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi thanh toán đủ 400.000.000 đồng. Lý do: Bị đơn đang phải nuôi con nhỏ, việc làm chưa ổn định.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Bà Y có cho vợ chồng N mượn tiền 1.300.000.000 đồng, đã trả 900.000.000 đồng còn lại 400.000.000 đồng, hứa bán đất trả bà Y nhưng không trả. Nay bà Y khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

- Áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; buộc bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 400.000.000 đồng cho bà Huỳnh Thị Y theo quy định; đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Các tình tiết đã rõ, do đương sự hai bên thống nhất ý kiến, thừa nhận, được coi là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn thừa nhận năm 2016 có vay tiền của nguyên đơn 1.300.000.000 đồng để mua tài sản, hợp đồng vay tiền không tính lãi suất. Đến năm 2017 và năm 2018 bị đơn đã trả tiền vay nợ gốc được 900.000.000 đồng, còn nợ 400.000.000 đồng nguyên đơn và bị đơn có làm văn bản thỏa thuận đến ngày 18 tháng 12 năm 2018 bị đơn phải thanh toán đủ số tiền còn nợ nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại khu 4, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Huỳnh Thị Y khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm trả tiền vay nợ gốc là 400.000.000 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn Huỳnh Thị Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Nguyễn Thị N đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bị đơn Nguyễn Thị N có vay tiền của nguyên đơn, bà N đã nhận tiền vay là 1.300.000.000 đồng vào năm 2016 để mua tài sản sử dụng, nguyên đơn không tính lãi suất tiền hợp đồng vay tài sản. Trong năm 2017 và 2018 bị đơn đã trả tiền vay được 900.000.000 đồng và còn nợ 400.000.000 đồng thì nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận đến ngày 18 tháng 12 năm 2018 bị đơn phải trả số tiền này nhưng đến nay bị đơn không trả tiền còn nợ nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ý kiến trình bày của bị đơn thống nhất với chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, cho thấy bị đơn đã xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng với quy định tại Điều 186 và điểm g khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận không tính lãi hợp đồng vay tài sản, có thỏa thuận thời hạn trả tiền vay nợ gốc vào ngày 18 tháng 12 năm 2018. Đây là loại hợp đồng vay có kỳ hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Về trách nhiệm trả tiền vay: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn đến hạn không trả tiền, nay bị đơn đề nghị được trả nợ nhiều lần kéo dài nhiều năm thì bên nguyên đơn không đồng ý nên bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền vay còn nợ nguyên đơn 400.000.000 đồng.

Hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự được xác lập vào năm 2016 là hợp đồng đang được thực hiện, đến nay chưa chấm dứt hợp đồng về nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Khi nghị án Hội đồng xét xử đã thảo luận, thống nhất ý kiến chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp chứng cứ vụ án, quy định pháp luật được nhận định như trên và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn Huỳnh Thị Y khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán tiền vay nợ gốc là 400.000.000 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Đối với bị đơn Nguyễn Thị N phải chịu 20.000.000 đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp chứng cứ vụ án, quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 186, điểm g khoản 4 Điều 189, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, điểm b khoản 2 Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ 1 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Y

Bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm trả tiền vay nợ gốc là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) đối với bà Huỳnh Thị Y

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án dân sự mà bên người phải thi hành án dân sự chưa tự nguyện thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất đối với tài sản còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị N phải chịu 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Huỳnh Thị Y, bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú,
  VKSND tỉnh Đồng Nai (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính